

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 99/2022/DS-ST

Ngày: 13 – 9 - 2022

*"V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Lanh**.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Trung Du**.

2. Ông **Đinh Minh Phương**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.**

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST – DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn H** – sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** 1. Ông **Trần Văn T** – sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T là bà Bà **Lê Thị N** - sinh năm: 1961 (theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2022) (có mặt).

2. Bà **Lê Thị N** - sinh năm: 1961 (có mặt).

3. Anh **Trần Quốc D** - sinh năm: 1981 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 08/9/2022).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Huỳnh Thị Trúc Q** - sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 18/8/2022).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Nguyễn Minh C** - sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 24/8/2022).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Vào ngày 18/4/2019 ông và bà Lê Thị N, anh Trần Quốc D có làm giấy tay là “*hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà*” thì bà N, anh D có chuyển nhượng cho ông phần đất ở + đất trồng cây lâu năm, thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T, bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng thực tế là ông cho bà N và anh D vay với số tiền là 30.000.000đ, hai bên có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, nhưng anh D thỏa thuận với ông là trong vòng một tuần trở lại thì anh Định sẽ trả đủ cho ông số tiền trên nên ông thỏa thuận với anh Định là ông sẽ tính tiền ngày 1.000.000đ thì một ngày 3.000đ, số tiền 30.000.000đ thành tiền 30.000đ/ngày nên trong hợp đồng ông mới ghi 09%/tháng. Đồng thời bà N, anh Định đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của ông T, bà N cho ông giữ. Sau đó hết thời gian một tuần thì ông có đến gặp bà N, anh D để yêu cầu trả tiền vay nhưng bà N, anh D không trả tiền vay cho ông như thỏa thuận ban đầu.

Đến tháng 09 năm 2019 thì anh D có trả lãi cho ông với lãi suất là 4%/tháng thì 30.000.000đ mỗi tháng bà N, anh D phải trả tiền lãi cho ông là 1.200.000đ. Anh D đã trả lãi cho ông được 13 tháng với số tiền là 15.600.000đ nhưng anh D đã trả cho ông được 16.000.000đ, còn lại 400.000đ thì ông sẽ trừ số tiền này vào số tiền lãi của tháng tiếp theo. Đến ngày 18/5/2020 thì anh D ngưng không trả lãi cũng không trả tiền vay vốn cho ông. Sau đó ông có nhiều lần đến gặp bà N, anh D để yêu cầu bà N, anh D trả lại ông số tiền vay vốn 30.000.000đ và tiền lãi thì ông đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà N, anh D nhưng bà N, anh D không đồng ý trả lại ông số tiền trên.

Nay ông rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T. Ông yêu cầu bà Lê Thị N, anh Trần Quốc D phải liên đới trả lại ông số tiền vốn vay là 30.000.000đ và yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 18/5/2020 đến ngày 13/9/2022 là 27 tháng 25 ngày thành tiền là 13.036.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 43.036.000đ. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của bà Thắm, ông T do ông đang giữ thì khi nào bà Thắm, anh D trả đủ cho ông số tiền trên thì ông đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho bà Thắm, ông T.

**\* Tại bảng khai ý kiến ngày 11/5/2022, đơn khởi kiện ngày 04/7/2022 2022 và tại phiên toà hôm nay bị đơn bà Lê Thị N trình bày:**

Con bà là Trần Quốc D có vay tiền của ông Nguyễn Văn H với số tiền là 30.000.000đ, D yêu cầu bà ký tên vào biên nhận nhưng khi ký tên thì bà không có đọc lại nội dung trong biên nhận. Số tiền 30.000.000đ do D nhận của ông H, bà không có nhận tiền của ông H. Giữa D và ông H có thỏa thuận lãi suất với nhau hay không thì bà không biết. Sau này D có nói lại với bà là D đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup> loại đất ở + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ thì bà mới biết. D có nói lại với bà là

giữa ông H và D có thỏa thuận với nhau là ông H cho D trả dần mỗi tháng 2.000.000đ, D đã trả cho ông H được 08 lần với số tiền là 16.000.000đ tiền vốn, trừ vào số tiền vốn là 30.000.000đ thì D còn thiếu lại ông H là 14.000.000đ.

Ngày 04/7/2022 bà và ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) tại thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup> loại đất ở + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà và ông T.

Nay ông H yêu cầu bà và D phải trả lại cho ông H số tiền vốn và lãi là 43.036.000đ thì bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền vốn còn lại là 14.000.000đ và tiền lãi 4.000.000đ, tổng cộng là 18.000.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000đ.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn T là bà Lê Thị N trình bày:** Ông Thiệp thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu của bà N, không bổ sung gì thêm.

**\* Bị đơn anh Trần Quốc D có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 24/8/2022 anh D trình bày:** Anh có vay số tiền 30.000.000đ của ông Hiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 10.000.000đ thì mỗi tháng anh trả lãi cho ông H là 900.000đ, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng thực tế là anh vay tiền của ông H. Anh có đưa một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) do cha anh là ông T và mẹ là bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ, việc anh đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ thì anh không có nói với cha mẹ anh biết. Mục đích anh vay tiền của ông H để đi trị bệnh, do anh bị bệnh nên không có tiền trả lãi cho ông H nên ông H đồng ý cho anh trả dần mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền 30.000.000đ. Sau đó anh đã trả cho ông H được 08 lần với tổng số tiền là 16.000.000đ còn nợ lại ông H là 14.000.000đ. Ông H yêu cầu anh và bà N phải liên đới trả cho ông H số tiền vốn và lãi là 43.036.000đ thì anh không đồng ý vì anh đã trả cho ông H số tiền vốn 16.000.000đ.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Trúc Q có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 18/8/2022 chị Huỳnh Thị Trúc Q trình bày:** Chị là vợ của anh D, anh D có vay tiền của ông H với số tiền là 30.000.000đ, hai bên có làm giấy tay là “*hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà*” đồng thời anh D có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) tại thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup> loại đất ở + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ. Sau đó ông H có thỏa thuận với anh Định là ông H cho anh D trả dần mỗi tháng trả cho ông H 2.000.000đ, chị là người trực tiếp trả tiền người nhận tiền là cháu của ông H, mỗi lần chị trả cho ông H là 2.000.000đ, chị đã trả cho ông H được 08 lần với tổng số tiền là 16.000.000đ. Đến khi dịch bệnh thì chị không có khả năng trả tiền vay tiếp cho ông H nên nay anh D chỉ còn thiếu tiền vay của ông H là 14.000.000đ, số tiền chị trả cho ông H là tiền vốn vay không phải là tiền lãi.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh C có đơn**

**xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 24/8/2022 anh Nguyễn Minh C trình bày:** Anh có nhận tiền lãi do vợ của anh D trả tiền lãi cho ông H, anh nhận tổng cộng 08 lần với số tiền lãi là 16.000.000đ, số tiền vợ của anh D trả cho ông H 08 lần là tiền lãi, anh đã đưa đủ số tiền lãi mà anh đã nhận của vợ anh D lại cho ông H và anh có đưa giấy nhận tiền lãi của mỗi lần vợ anh D trả lãi cho ông H.

\* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Đơn khởi kiện bổ sung; Căn cước công dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà; Đơn xin xác nhận; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (photo); Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; Giấy ủy quyền; Bảng khai ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nộp: Bảng khai ý kiến, đơn xin vắng mặt.

*Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

### **NHẬN D CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận D:*

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông H và bị đơn bà Lê Thị N, ông Trần Văn T, anh Trần Quốc D. Bà N, ông T, anh D có nơi cư trú tại ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy D tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Ông H rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông T.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Q, anh C vắng mặt nhưng tất cả có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D, chị Q, anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay ông H và bà N cùng thống nhất là anh D có vay tiền của ông H số tiền là 30.000.000đ nhưng hai bên không có làm biên nhận vay tiền mà giữa ông H và anh D làm giấy tay “*hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà*” ngày 18/4/2019. Theo giấy tay “*hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà*” thì bên chuyển nhượng ông Trần Văn T, bà Lê Thị N bên nhận chuyển nhượng ông H đối với thửa 244, tờ bản đồ 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long với số tiền 30.000.000đ, trong thời hạn 05 tháng, đến ngày 18/9/2019 thì ông T, bà N có quyền chuộc lại nhà và đất bằng giá trị chuyển nhượng là 30.000.000đ với lãi suất là 9%/tháng. Lãi suất ông T, bà N đóng hàng tháng là 2.700.000đ. Bên chuyển nhượng do bà N và anh

D ký tên và ghi họ tên còn bên nhận chuyển nhượng do ông H ký tên và ghi họ tên. Đồng thời anh D đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thửa 244 cho ông H giữ.

Theo ông H trình bày trong hợp đồng ghi lãi suất 09%/tháng đối với số tiền vốn 30.000.000đ nhưng thực tế ông chỉ nhận lãi suất của anh D là 4%/tháng đối với số tiền vốn 30.000.000đ thành tiền mỗi tháng bà N, anh D phải trả tiền lãi cho ông H là 1.200.000đ nhưng trong bản khai ý kiến của ông H và cháu ông H là anh C đều thừa nhận anh C đã nhận tiền lãi của chị Q 08 lần tiền lãi mỗi lần chị Q trả tiền lãi cho ông H là 2.000.000đ do anh C nhận thay. Nhưng theo bà N và chị Q thì chị Q đã trả tiền vốn cho ông H được 08 lần mỗi lần 2.000.000đ do chị Q trả cho ông H nhưng do anh C nhận thay. Cả ông H, bà N, chị Q, anh C đều thừa nhận là chị Q đã đưa tiền cho anh C được 08 lần với số tiền là 16.000.000đ nhưng ông H, anh C cho rằng là tiền lãi của số tiền vốn 30.000.000đ nhưng bà N, chị Q, anh D cho rằng số tiền 16.000.000đ là tiền vốn trừ vào số tiền vốn 30.000.000đ nên bà N, anh D chỉ còn thiếu lại tiền vay của ông H là 14.000.000đ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, anh Trần Quốc D đều xác nhận hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ngày 18/4/2019 chỉ là hình thức đảm bảo để ông H cho anh D vay số tiền 30.000.000đ, anh D thừa nhận là có nhận tiền 30.000.000đ của ông H và bà N trình bày là không có nhận tiền của ông H nhưng có ký tên vào hợp đồng vì bà nghĩ ký tên thì ông H mới cho anh D vay tiền.

Từ những phân tích trên cho thấy việc ông H cho bà N, anh D vay tiền là hợp đồng vay tài sản chứ không phải hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Người cho vay là ông H và người vay là bà N và anh D.

Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu bà N và anh D phải liên đới trả cho ông H số tiền vốn là 30.000.000đ và yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 18/5/2020 đến ngày 13/9/2022 là 27 tháng 25 ngày thành tiền là 13.036.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 43.036.000đ.

Bà N không đồng ý mà bà cho rằng anh Định đã trả cho ông H được số tiền 16.000.000đ thể hiện qua các lần trả tiền là do chị Q là vợ anh Định gửi trả mỗi lần là 2.000.000đ, nay bà không đồng ý theo yêu cầu của ông H vì bà cho rằng số tiền trên là ông H cho anh D vay chứ bà không có vay do con bà là anh D kêu bà ký tên để ông H cho vay chứ bà không có nhận tiền vay. Tòa án yêu cầu bà cung cấp chứng cứ chứng minh bà không có vay tiền của ông H nhưng bà N không cung cấp được vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông H yêu cầu bà N và anh D trả lại số tiền vốn là 30.000.000đ là có cơ sở nên được chấp nhận. Tuy nhiên xét yêu cầu tính lãi suất đối với lãi suất là 1.6% thì Hội đồng xét xử chấp nhận một phần và thống nhất tính lãi suất 01% /tháng từ ngày 18/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/9/2022 là 40 tháng 26 ngày thành tiền là 12.260.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 42.260.000đ nhưng trừ đi số tiền

mà ông H đã nhận của anh D là 16.000.000đ nên số tiền còn lại buộc anh D và bà N phải trả cho ông H là 26.260.000đ.

Ngày 04/7/2022 bà N và ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) tại thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup> loại đất ở + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà N và ông T. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N và ông T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó buộc ông H có nghĩa vụ trả lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) tại thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup> loại đất ở + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà N và ông T.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H, anh D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy D pháp luật.

Ông T, bà N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do ông T và bà N là người cao tuổi.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT D:**

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 244; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy D về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Lê Thị N, anh Trần Quốc D phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 26.260.000đ (Hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) tại thửa số 244, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.439,6m<sup>2</sup> loại đất ở + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn T và bà Lê Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông Trần Văn T và bà Lê Thị N.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Trần Văn T **cùng** bà Lê Thị N và anh Trần Quốc D trả nợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy D tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup>0008069, ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp thêm 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Trần Quốc D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 306.500đ (Ba trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng).

Ông Trần Văn T và bà Lê Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do ông Trần Văn T và bà Lê Thị N là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Phạm Thị Lanh**